TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2024/DS-PT
Ngày: 20-3-2024
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Bà Võ Thị Hồng Mai;

2. Ông Trần Tuấn Vũ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thuý, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 148/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đào Thế H, sinh năm 1986; cư trú tại: Số E đường V, Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn:

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1968; có mặt;

2. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1969; có mặt;

Cùng cư trú tại: Tổ G, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người kháng cáo: bị đơn bà Huỳnh Thị T; ông Phạm Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn – anh Đào Thế Hiển trình bày:

Anh có cho ông L, bà T vay tiền nhiều lần. Đến ngày 31-01-2023, hai bên chốt nợ ông L và bà T còn nợ anh 1.000.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền

lãi. Anh và bà T, ông L ký Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng vay tài sản đối với khoản tiền 2.000.000.000 đồng, ông L, bà T ghi lại Giấy vay tiền mới cho anh là 1.000.000.000 đồng, ghi ngày 30-01-2023, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng.

Sau khi đáo hạn Ngân hàng, rút được bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L, bà T có giao cho anh bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm giữ làm tin nhưng đến ngày 03-4-2023, ông L, bà T mượn lại bản chính để cho người khác xem mua đất nên anh đã giao lại cho ông L, bà T.

Nay anh yêu cầu ông L và bà T trả cho anh số tiền nợ gốc: 1.000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 30-01-2023 đến khi ông L, bà T trả xong tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H thừa nhận việc vay mượn bắt đầu từ tháng 6 năm 2022. Đến ngày 31-01-2023 anh có nhận của bà T, ông L 350.000.000 đồng tiền nợ lãi; nay anh đồng ý tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay là 30-6-2022 đến ngày 31-01-2023, khấu trừ tiền nợ gốc, nên anh chỉ yêu cầu bà T, ông L trả tiền nợ gốc là 766.667.000 đồng và tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01-02-2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn – bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà và ông Phạm Văn L có vay tiền của anh H nhiều lần. Lần 1: ngày 30-6-2022 vay 1.000.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 02 ngày đầu là 7.000.000 đồng, nhưng Ngân hàng không cho vay lại nên thỏa thuận lãi suất từ 30-6-2022 đến 30-8-2022 là 6%/tháng = 120.000.000 đồng; từ 30-8-2022 đến 30-01-2023 lãi suất 5%/tháng X 05 tháng = 250.000.000 đồng.

Sau đó mượn thêm 700.000.000 đồng để thi hành án cho bà Võ Thị T1 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Ngày 18-7-2022, vợ chồng bà ký và công chứng Hợp đồng vay của anh H 2.000.000.000 đồng (gồm 01 tỷ đồng vào ngày 30-6-2022 và 700.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng anh H hứa làm giấy đất cho vợ chồng ông bà, nếu không làm giấy được thì trả lại cho ông bà 300.000.000 đồng).

Đến ngày 11-8-2022 thì bà trả xong khoản tiền mượn 700.000.000 đồng.

Ngày 31-01-2023, bà trả cho anh H số tiền nợ lãi là 350 triệu đồng, anh H yêu cầu ghi lại giấy nợ từ ngày 30-01-2023 số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, không ghi tiền lãi. Bà yêu cầu anh H đến công chứng làm thủ tục hủy bỏ Hợp đồng vay tài sản ngày 18-7-2022. Đến nay bà chưa trả thêm khoản nào cho anh H.

Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H; bà yêu cầu tính lại tiền lãi bà đã trả cho anh H để khấu trừ vào tiền nợ gốc theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Phạm Văn L trình bày: Ông là chồng của bà Huỳnh Thị T, ông thống nhất lời trình bày của bà T.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 148/2023/DS-ST ngày 28-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Thế H đối với bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn L về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đào Thế H 766.667.000 đồng và tiền nợ lãi từ ngày 01-02-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 101.370.400 đồng; tổng cộng là 868.037.400 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 13-10-2023, bị đơn bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn L có đơn kháng cáo, không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T, *ông* L *trình bày:* Ông bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin được giảm tiền lãi vay.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn L, nhận thấy:

Bà T, ông L xác định có vay tiền của anh H nhiều lần, đến ngày 31-01-2023, bà T, ông L ký giấy nhận nợ anh H số tiền 1.000.000.000 đồng. Anh H thừa nhận vào ngày 31-01-2023 có nhận của ông L, bà T 350.000.000 đồng tiền lãi; do đó, cấp sơ thẩm tính lại tiền lãi theo lãi suất của pháp luật và khấu trừ số tiền lãi đã nhận vượt quá vào tiền nợ gốc; buộc bà T, ông L cùng có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền nợ gốc là 766.667.000 đồng và tiền nợ lãi từ ngày 01-02-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 101.370.400 đồng, tổng cộng là 868.037.400 đồng là phù hợp; nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, ông L; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bà T, ông L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn L.

3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 148/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

4.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Thế H đối với bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn L về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

4.2. Buộc bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đào Thế H 766.667.000 (bảy trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng và 101.370.400 (một trăm lẻ một triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm) đồng tiền lãi vay; tổng cộng là 868.037.400 (tám trăm sáu mươi tám triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm) đồng.

4.3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh H 21.000.000 (hai mươi mốt triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0018853 ngày 07-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Ông L, bà T phải chịu 38.041.000 (ba mươi tám triệu, không trăm bốn mươi mốt nghìn) đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông L, bà T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0019193 ngày 13-10-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn